

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 12/2023/KDTM – ST
Ngày: 29 - 9 - 2023.
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

2. Ông Nguyễn Văn Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2023/TLST-KDTM ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 71/2023/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là V1).

Địa chỉ trụ sở chính: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, sinh năm 1968 - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T - Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý.

Ông Đỗ Thành T ủy quyền lại cho Ông Phạm Đức C, sinh năm 1997 - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ KHDN MN hoặc ông Ma Khắc K – Trưởng bộ phận xử lý nợ KHDN MN.

Cùng địa chỉ liên hệ: Tầng A, Tòa nhà A - Số I C, Phường D, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Công ty TNHH G.

Địa chỉ trụ sở: Tổ B, Khu A, Ấp G, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Châu Văn N, sinh năm 1977.

Chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Châu Văn N**, sinh năm 1977.

Địa chỉ thường trú: **Tổ B, Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.**

(Anh **C** có mặt, các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 5 năm 2023, đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện ngày 28/8/2023, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có anh **Phạm Đức C trình bày:**

Ngày 22/7/2022, **Ngân hàng V** (gọi tắt là **V1**) ký hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài sản số TSN/22657 với **Công ty TNHH G** (viết tắt là **Công ty G**) do ông **Châu Văn N** đại diện theo pháp luật, hạn mức thấu chi là 325.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất cho vay trong hạn 18%/năm, lãi suất đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông **Châu Văn N** và **V1** đã ký hợp đồng bảo lãnh số TSN/22658 ngày 22/7/2022, ông **Châu Văn N** đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho **Công ty G** trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, khoản phạt, bồi thường thiệt hại và tất cả nghĩa vụ tài chính khác của **Công ty G**.

Trong quá trình sử dụng tài khoản thấu chi theo Hợp đồng hạn mức cho vay thấu chi đã ký kết, **Công ty G** đã rút nhiều lần với số tiền 348.070.146 đồng, đã trả cho **V1** nhiều lần nợ gốc với số tiền 26.800.000 đồng. Đến ngày 08/3/2023 thì **Công ty G** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2023 **Công ty G** còn nợ **V1** số tiền 407.890.591 đồng (trong đó: nợ gốc 321.270.135 đồng, lãi 84.608.314 đồng, lãi chậm trả 2.012.142 đồng).

Nay **Ngân hàng TMCP V** yêu cầu **Công ty TNHH G** phải trả cho **V1** số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2023 là 407.890.591 đồng (bao gồm nợ gốc 321.270.135 đồng, lãi 84.608.314 đồng, lãi chậm trả 2.012.142 đồng). Kể từ ngày 30/9/2023, **Công ty TNHH G** phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp **Công ty TNHH G** không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên thì ông **Châu Văn N** phải có trách nhiệm trả số tiền trên cho **V1** theo hợp đồng bảo lãnh đã ký kết số TSN/22658 ngày 22/7/2022.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp tiếp

cận công khai chứng cứ và hòa giải, các quyết định của Tòa án nhưng bị đơn Công ty TNHH G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Châu Văn N không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo và các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V. Buộc Công ty TNHH G phải có trách nhiệm trả cho V1 số tiền 407.890.591 đồng bao gồm nợ gốc, lãi và lãi chậm trả. Ngoài ra, Công ty TNHH G phải trả lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng TMCP V yêu cầu Công ty TNHH G trả toàn bộ tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. V1 cho công ty G vay vốn nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh, Công ty G có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và có địa chỉ tại: Tổ B, Khu A, Ấp G, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Theo quy định tại Điều 4, Điều 98 Luật số 47/2010/QH12 luật các tổ chức tín dụng được Quốc hội khóa 12 thông qua ngày 16/6/2010 thì cấp tín dụng là một trong những hoạt động của Ngân hàng T2 nên quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn Công ty TNHH G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Châu Văn N đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa ngày 13/9/2023 và ngày 29/9/2023 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227,

228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Yêu cầu trả nợ gốc và nợ lãi: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án gồm: Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi số TSN/22657 ngày 22/7/2022, sao kê tài khoản số 263561848 của Công ty G mở tại V1 và bảng tổng hợp dư nợ của công ty G, cho thấy giữa V1 và Công ty G có ký kết hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi số TSN/22657 ngày 22/7/2022, Công ty G đã rút nhiều lần với số tiền 348.070.146 đồng, đã trả nợ gốc nhiều lần với số tiền 26.800.011 đồng. Kể từ ngày 08/3/2023 thì Công ty G ngưng không trả gốc và lãi cho đến nay là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, cần buộc Công ty G phải trả cho V1 số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/9/2023 là 407.890.591 đồng (trong đó: nợ gốc 321.270.135 đồng, lãi 84.608.314 đồng, lãi chậm trả 2.012.142 đồng). Kể từ ngày 30/9/2023, Công ty TNHH G phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[3.2] Về Hợp đồng bảo lãnh: V1 yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu Văn N thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong trường hợp Công ty G không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả nợ. Xét thấy hợp đồng bảo lãnh số TSN/22658 ngày 22/7/2022 được ký kết giữa V1 và ông Châu Văn N trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng bảo lãnh phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của V1, buộc ông Châu Văn N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V1 trong trường hợp Công ty G không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả nợ.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH G phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, án phí được tính là 20.000.000 đồng + (7.890.591 đồng x 4%) = 20.315.623 đồng.

[5] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Áp dụng Điều 335, 336, 339, 342 Bộ luật Dân sự năm 2015

Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V.

Buộc Công ty TNHH G phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/9/2023 là 407.890.591 đồng (trong đó: nợ gốc 321.270.135 đồng, lãi 84.608.314 đồng, lãi chậm trả 2.012.142 đồng).

Công ty TNHH G tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/9/2023 theo mức lãi suất quá hạn tại hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài sản số TSN/22657 ngày 22/7/2022 mà hai bên đã ký kết.

Trường hợp Công ty TNHH G không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V, bên bảo lãnh là ông Châu Văn N có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng bảo lãnh TSN/22658 ngày 22/7/2022.

2. Về án phí: Công ty TNHH G phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 20.315.000 đồng (hai mươi triệu ba trăm mười lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.394.000 đồng (chín triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009671 ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

3. Ngân hàng TMCP V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH G và ông Châu Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND T. Đồng Nai.
- VKSND H. Long Thành.
- THA H. Long T1.
- Các đương sự.
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nhật Lệ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các hội thẩm nhân dânThẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Hùng Nguyễn Văn PhướcTrần Nhật L

Nơi nhân : T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

-TAND T. Đồng Nai. **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

-VKSND H. Long Thành.

-THA H. Long Thành.

-Các đương sự.

-Lưu.

Trần Nhật Lệ

